

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH TIỂU HỌC

CURRENT SITUATION OF MANAGING VIETNAMESE TEACHING ACTIVITIES TOWARDS DEVELOPING PRIMARY STUDENT'S COMPETENCIES

TRẦN THỊ NGỌC HIẾU^(*)

TÓM TẮT: Bài viết trình bày kết quả khảo sát thực trạng về công tác quản lý hoạt động dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh từ 15 trường tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có 10 trường thuộc nội thành và 05 trường thuộc ngoại thành với tổng số 762 người gồm: cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Kết quả nghiên cứu có ý nghĩa thiết thực trong việc đề xuất các biện pháp quản lý hiệu quả hoạt động này trong tương lai.

Từ khóa: thực trạng; môn tiếng Việt; quản lý hoạt động dạy học.

ABSTRACT: The article presents results of the survey on the current situation of the management of Vietnamese teaching activities towards developing student's competencies from 15 schools in Ho Chi Minh City, including 10 urban schools and 05 suburban schools with a total of 762 people include: administrators, teachers, staff. The research results have practical implications in proposing effective solutions for management of these activities in coming time.

Key words: current situation; Vietnamese subject; management of teaching activities.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc quản lý hoạt động dạy học nói chung và môn tiếng Việt nói riêng theo định hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học cần thiết trong giai đoạn đổi mới hiện nay. Nhằm phân tích, đánh giá đúng thực trạng của hoạt động dạy học môn tiếng Việt và quản lý hoạt động dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh, nêu bật những hạn chế, thiếu sót trong quá trình quản lý hoạt động này, từ đó đưa ra một số biện pháp phù hợp để nâng cao chất lượng quản lý hoạt động dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh ở các trường tiểu học tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh một cách hiệu quả nhất.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Quản lý hoạt động dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh bao gồm 3 thành tố: 1) Quản lý hoạt động dạy của giáo viên (bao gồm: quản lý việc thực hiện: mục tiêu, chương trình, nội dung dạy học, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học); 2) Quản lý hoạt động học của học sinh (bao gồm: quản lý việc hình thành động cơ học tập, thái độ học tập, phương pháp học tập,... của học sinh thông qua những hoạt động cụ thể để chuẩn bị cho giờ học, trên lớp, tự học ở nhà, hoạt động ngoại khóa,...); 3) Quản lý môi trường dạy học (quản lý cơ sở vật chất và quản lý môi trường tinh thần hỗ trợ hoạt động dạy học).

^(*) ThS. Trường Tiểu học Phan Đăng Lưu, Quận 8, ngochieu77b@gmail.com, Mã số: TCKH23-16-2020

Đối tượng khảo sát: 762 người gồm cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của 15 trường tiểu học thuộc Thành phố Hồ Chí Minh cụ thể: Trường Tiểu học Kỳ Đồng; Đoàn Thị Điểm; Nguyễn Đức Cảnh; Lương Thế Vinh; Phan Đăng Lưu; Bắc Hải; Nguyễn Thị Nhỏ; Trần Văn Ôn; Thanh Mỹ Tây; Phạm Văn Hai; Nguyễn Thái Bình; Tân Tạo; Bình Lợi; Xuân

Thới Thượng và Hòa Hiệp. Sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, điểm số các câu hỏi được quy đổi thành thang đo 5 mức độ, thang đo đưa về dạng thang đo giá trị khoảng cách $(Maximum - Minimum)/n = (5-1)/5 = 0.8$. Các giá trị trung bình trong thang đo ở bảng khảo sát được quy ước theo bảng 1.

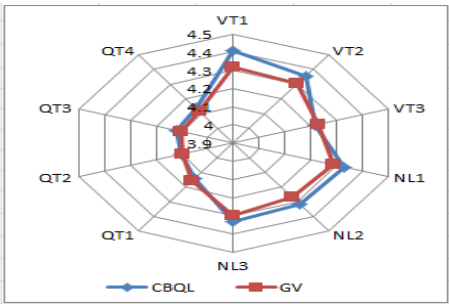
Bảng 1. Quy ước xử lý thông tin phiếu khảo sát

$1.0 \leq \text{ĐTB} < 1.8$	$1.8 \leq \text{ĐTB} < 2.6$	$2.6 \leq \text{ĐTB} < 3.4$	$3.4 \leq \text{ĐTB} < 4.2$	$4.2 \leq \text{ĐTB} < 5.0$
Không đồng ý	Ít đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý
Yếu	Trung bình	Khá	Tốt	Rất tốt
Không ảnh hưởng	Ít ảnh hưởng	Phân vân	Ảnh hưởng	Rất ảnh hưởng

Đề thực hiện nghiên cứu, chúng tôi đã tiến hành đánh giá độ tin cậy của phiếu khảo sát, kết quả đối với cán bộ quản lý/tổ trưởng chuyên môn/giáo viên có độ tin cậy của toàn phiếu gồm 116 chỉ số đo có độ tin cậy 0.974 khá cao.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên về việc quản lý hoạt động dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh ở trường tiểu học



Hình 1. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên

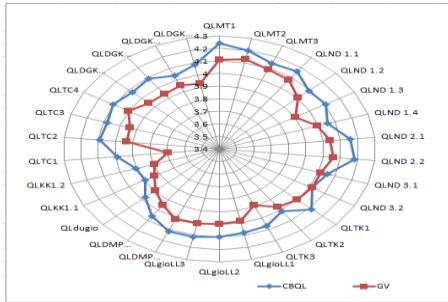
Thông qua việc hoạt động dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh tại trường tiểu học: hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực chung (năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác và năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo) (NL1); hình thành năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe với mức độ căn bản: đọc đúng, trôi chảy văn bản; hiểu

được nội dung,... (NL2); hình thành năng lực văn học với yêu cầu phân biệt được thơ và truyện, biết cách đọc thơ và truyện; nhận biết được vẻ đẹp của ngôn từ nghệ thuật,... (NL3). Việc quản lý giúp cho hoạt động dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh tại trường tiểu học được thực hiện một cách chủ động (QT1); Việc quản lý sẽ đảm bảo được sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ phận và cá nhân trong thực hiện hoạt động dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh (QT2); Việc quản lý sẽ đảm bảo chất lượng hoạt động dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh thực hiện đúng chỉ đạo của cấp trên (QT3); Việc quản lý giúp đánh giá mức độ thực hiện hoạt động dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh và kịp thời điều chỉnh sai sót (QT4).

Quan sát kết quả hình 1 cho thấy cán bộ quản lý và giáo viên nhận thức về tầm quan trọng của quản lý hoạt động dạy học có chỉ số điểm trung bình của các nội dung từ 3.98 điểm đến 4.41 điểm ở mức độ đồng ý cao, hầu hết đối tượng cán bộ quản lý và giáo viên đều thấy tầm quan trọng của việc quản lý hoạt động dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh ở trường tiểu học, độ phân

tán của các giá trị tức độ lệch chuẩn <0.66 điểm cho thấy mức độ tương đồng trong ý kiến của 2 đối tượng.

3.2. Thực trạng quản lý hoạt động dạy học môn tiếng Việt của giáo viên theo định hướng phát triển năng lực học sinh ở trường tiểu học



Hình 2. Thực trạng quản lý hoạt động dạy của giáo viên

Quản lý mục tiêu dạy học môn tiếng Việt cụ thể: Quản lý việc thực hiện mục tiêu dạy học cung cấp những kiến thức sơ giản về tiếng Việt (QLMT1); Quản lý việc thực hiện mục tiêu dạy học cung cấp những kỹ năng sử dụng tiếng Việt (QLMT2); Quản lý việc thực hiện mục tiêu dạy học cung cấp những thái độ đúng đắn trong sử dụng tiếng Việt (QLMT3).

Quản lý nội dung dạy học môn tiếng Việt cụ thể: Xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung dạy học môn tiếng Việt của giáo viên theo định hướng phát triển năng lực học sinh với nội dung: hiệu trưởng nắm vững các quy định, văn bản liên quan đến chương trình môn học (QLND1.1); giáo viên được phổ biến nội dung, chương trình, các văn bản chỉ đạo chuyên môn liên quan đến môn học và khối lớp (QLND1.2); Hiệu trưởng đảm bảo cho giáo viên thực hiện đúng và đủ chương trình thông qua thời khóa biểu (QLND1.3); giáo viên được đảm bảo đủ sách giáo khoa, tài liệu và các điều kiện cơ sở vật chất,... (QLND1.4); Phối hợp với Phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn quản lý việc thực hiện nội dung và chương trình môn học với nội dung hiệu trưởng cần quan tâm quản lý hoạt động dạy học môn tiếng Việt theo yêu cầu, nội dung và hướng dẫn của chương trình môn

tiếng Việt (QLND2.1); hiệu trưởng dành thời lượng thích đáng cho việc học tiếng Việt ở cấp tiểu học, bảo đảm học sinh đọc thông viết thạo (QLND2.2); theo dõi việc triển khai những nội dung thực hiện chương trình dạy học tiếng Việt cụ thể: Thường xuyên thông báo hướng dẫn giáo viên, xây dựng các công cụ để theo dõi việc thực hiện chương trình (QLND3.1); giám sát giáo viên thực hiện thời khóa biểu, tổng kết tình hình thực hiện chương trình của các tổ chuyên môn (QLND3.2).

Quản lý thực hiện thiết kế bài giảng dạy học môn tiếng Việt cụ thể: giáo viên được hướng dẫn tỉ mỉ, chú ý mục tiêu bài dạy thể hiện rõ khi soạn bài đảm bảo đủ 6 mức: biết, hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá (QLTK1); Chỉ đạo tổ trưởng chuyên môn thống nhất nội dung và hình thức soạn bài, trao đổi phương pháp giảng dạy từng bài và hình thức tổ chức lớp học (QLTK2); Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá bài soạn môn tiếng Việt của giáo viên theo hướng phát triển năng lực học sinh (QLTK3).

Quản lý giờ lên lớp dạy học môn tiếng Việt của giáo viên theo định hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học cụ thể: Xây dựng tiêu chuẩn giờ lên lớp dựa trên những quy định chung của bậc học và đặc điểm riêng của từng lớp (QLgioLL1); tổ chức dự giờ thăm lớp thường xuyên và tạo bầu không khí thân thiện trong dự giờ thăm lớp (QLgioLL2); tiếp nhận và xử lý các kênh thông tin từ giáo viên - Phụ huynh học sinh – học sinh (QLgioLL3).

Quản lý việc thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh cụ thể: Chỉ đạo giáo viên vận dụng và phối hợp các phương pháp dạy học tích cực qua các hoạt động như: Tăng cường chỉ đạo giáo viên vận dụng phối hợp các phương pháp dạy học tích cực: thông qua các tiết thao giảng, thực hiện chuyên đề, các tiết dự giờ giáo viên (QLDMPP1.1); Cần có quy định bắt buộc các

tiết dạy không được xếp loại tốt nếu không vận dụng các phương pháp dạy học tích cực (QLDMPP1.2). Ngoài ra, hiệu trưởng cần dự giờ rút kinh nghiệm việc vận dụng phương pháp dạy học tích cực, ứng dụng công nghệ thông tin (QLdugio); Khuyến khích thực hiện phương pháp dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh qua việc tuyên dương, khen thưởng, truyền thông nhân rộng điển hình và chia sẻ kinh nghiệm (QLKK1.1); Đưa đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học vào phương hướng phấn đấu, kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường (QLKK1.2).

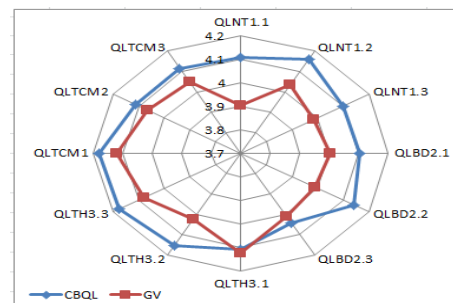
Quản lý tổ chức thực hiện dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học cụ thể: Kết hợp các hình thức dạy học phong phú, chú trọng hình thức dạy học với phương châm lấy học sinh làm trung tâm (QLTC1); vận dụng kết hợp hình thức dạy học cá thể hóa (QLTC2); khuyến khích hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm giao tiếp (QLTC3); qua dự giờ thăm lớp, hội giảng, nhân rộng các hình thức dạy học có tính sáng tạo đáp ứng mục tiêu dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh (QLTC4).

Qua hình 2, kết quả thu được cho thấy: Công tác quản lý của hiệu trưởng về quản lý mục tiêu, nội dung, hình thức thực hiện thiết kế bài giảng dạy học môn tiếng Việt, quản lý giờ lên lớp dạy học, quản lý việc thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học được thực hiện tốt có điểm trung bình từ 3.70 điểm đến 4.1 điểm, cho thấy các cán bộ quản lý và giáo viên đều đánh giá khá tốt công tác của hiệu trưởng các trường tiểu học.

3.3. Thực trạng đánh giá kết quả thực hiện công tác quản lý của hiệu trưởng đối với hoạt động dạy môn tiếng Việt

Quản lý công tác bồi dưỡng giáo viên qua việc nâng cao nhận thức của giáo viên về công tác dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học

tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh cụ thể: Tuyên truyền và phổ biến đến giáo viên các quy định về dạy học và kiểm tra, đánh giá xếp loại học sinh (QLNT1.1); chỉ đạo tổ trưởng chuyên môn và giáo viên xây dựng chương trình, lập kế hoạch bồi dưỡng dạy học môn tiếng Việt phù hợp từng đối tượng học sinh (QLNT1.2); đưa dạy học phát triển năng lực vào kế hoạch của nhà trường, của từng tổ chuyên môn và từng giáo viên (QLNT1.3).



Hình 3. Thực trạng kết quả thực hiện công tác quản lý của hiệu trưởng đối với hoạt động dạy môn tiếng Việt

Bồi dưỡng giáo viên về hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh thông qua các tổ chuyên môn: Chỉ đạo giáo viên xây dựng chương trình, lập kế hoạch bồi dưỡng dạy học môn tiếng Việt phù hợp từng đối tượng học sinh (QLBD2.1); phân công giáo viên có kinh nghiệm, năng lực hỗ trợ giáo viên mới, thiếu kinh nghiệm,... (QLBD2.2); thường xuyên tổ chức các buổi dự giờ, thăm lớp rút kinh nghiệm các tiết dạy môn tiếng Việt (QLBD2.3).

Tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên về hoạt động dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh cụ thể: Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên về phương pháp dạy học tích cực có liên quan chặt chẽ đến kỹ thuật dạy học (QLTH3.1); vận dụng kết hợp hình thức dạy học cá thể hóa phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và địa phương (QLTH3.2); thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ (QLTH3.3).

Quản lý các hoạt động của tổ chuyên môn cụ thể: Phổ biến cho tổ chuyên môn các quy định, yêu cầu về việc xây dựng chương trình, kế hoạch dạy học (QLTCM1); chỉ đạo tổ trưởng chuyên môn xây dựng các nội dung đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra – đánh giá,... phù hợp với tình hình thực tế của học sinh (QLTCM2); thường xuyên kiểm tra, đánh giá hoạt động của tổ chuyên môn (QLTCM3). Quản lý quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học (QLTCM3).

Quản lý quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học gồm: Lập kế hoạch và xây dựng được bộ tiêu chí phục vụ cho công tác đánh giá hoạt động dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh (QLDGKQ1); chỉ đạo khâu ra đề, bám sát theo khung năng lực và ma trận, đảm bảo có sự phân hóa trình độ học sinh (QLDGKQ2); lựa chọn được phương pháp và hình thức đánh giá phù hợp cho từng nội dung, hoạt động và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý kết quả học tập của học sinh (QLDGKQ3); tổ chức kiểm tra việc thực hiện hoạt động dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học (QLDGKQ4).

Hình 3 cho thấy, quản lý công tác bồi dưỡng giáo viên qua việc nâng cao nhận thức của giáo viên về công tác dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh; bồi dưỡng giáo viên về hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh thông qua các tổ chuyên môn; tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên về hoạt động dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh; quản lý các hoạt động của tổ chuyên môn và quản lý quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn tiếng Việt của hiệu trưởng được thực hiện tốt có điểm trung bình từ 3.90 điểm đến 4.15 điểm, các cán bộ quản lý và giáo viên

đều đánh giá khá tốt công tác của hiệu trưởng các trường tiểu học.

3.4. Thực trạng quản lý hoạt động học của học sinh ở môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh ở trường tiểu học

Quản lý việc xây dựng động cơ học tập đúng đắn của học sinh cụ thể: Chỉ đạo giáo viên thực hiện nội dung giáo dục ý thức, động cơ, phương pháp học tập của học sinh thông qua các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa (QLHDC1); chỉ đạo giáo viên thực hiện nội dung giáo dục ý thức, động cơ, phương pháp học tập của học sinh thông qua các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa (QLHDC2); chỉ đạo giáo viên xây dựng nội dung bài giảng làm tăng động cơ học tập của học sinh theo hướng phát triển năng lực (QLHDC3); chỉ đạo giáo viên sử dụng phương pháp dạy học tích cực làm tăng động cơ học tập của học sinh theo hướng phát triển năng lực (QLHDC4).

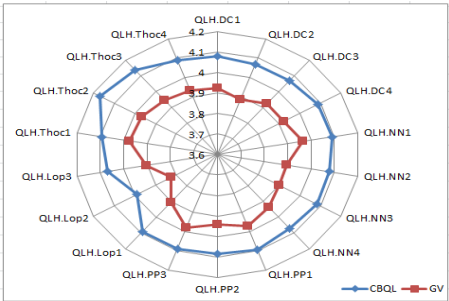
Quản lý nền nếp, thái độ học tập của học sinh thông qua các hoạt động như: Tổ chức cho học sinh hiểu và biết được các nội quy của nhà trường (QLHNN1); chỉ đạo giáo viên xây dựng nền nếp học tập của học sinh (QLHNN2); khuyến khích giáo viên thường xuyên đánh giá kết quả học tập, tình hình thực hiện nền nếp học tập của học sinh (QLHNN3); phối hợp với các lực lượng giáo dục để quản lý chặt chẽ hoạt động học tập của học sinh từ trường, lớp đến gia đình (QLHNN4).

Quản lý việc bồi dưỡng phương pháp học tập tích cực của học sinh cụ thể như: Chỉ đạo giáo viên tiến hành học tập, nghiên cứu bồi dưỡng và thống nhất các phương pháp học tập của học sinh (QLHPP1); chỉ đạo tổ trưởng chuyên môn nghiên cứu thảo luận và thống nhất các phương pháp học tập phù hợp với từng đối tượng học sinh ở từng khối lớp (QLHPP2); phối hợp giáo viên chủ nhiệm kiểm tra, và có hướng điều chỉnh kịp thời những học sinh có biểu hiện sai lệch về phương pháp học tập (QLHPP3).

Quản lý hoạt động học của học sinh trên

lớp bao gồm: Phân tích đánh giá kết quả học tập của học sinh, chú ý đến kết quả học tập của hai đối tượng học sinh kém và giỏi (QLH.Lop1); phối hợp với các lực lượng giáo dục để quản lý hoạt động học của học sinh (QLH.Lop2); phát huy vai trò làm chủ tập thể của học sinh, để các em tự giác, tích cực tự quản các hoạt động học tập (QLH.Lop3).

Quản lý việc tự học của học sinh cụ thể: Hiệu trưởng chỉ đạo tuyên truyền ý nghĩa của việc tự học (QLH.Thoc1); chỉ đạo giáo viên giúp học sinh tiếp cận các phương pháp dạy học đa dạng thông qua hoạt động nhóm, cá nhân nhằm giúp học sinh thấy được sự cần thiết của các phương pháp học tập tích cực đối với việc học của bản thân (QLH.Thoc2); chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm phối hợp với phụ huynh đề nêu cao nhận thức trách nhiệm trong việc kết hợp giáo dục học sinh, tạo điều kiện cho học sinh tự học (QLH.Thoc3); chỉ đạo giáo viên hướng dẫn học sinh xây dựng kế hoạch tự học cụ thể là phương pháp tự học (QLH.Thoc4). Qua kết quả thu được từ hình 4, cho thấy các cán bộ quản lý và giáo viên đều đánh giá khá tốt công tác quản lý của hiệu trưởng các trường tiểu học.

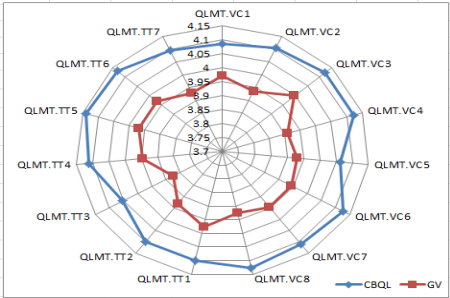


Hình 4. Thực trạng quản lý hoạt động học của học sinh

3.5. Thực trạng quản lý môi trường dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh ở trường tiểu học

Quản lý môi trường vật chất phục vụ hoạt động dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh bao gồm các việc như sau: Xây dựng kế hoạch quản lý cơ sở vật

chất phục vụ hoạt động dạy học (QLMTVC1); tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý cơ sở vật chất phục vụ hoạt động dạy học (QLMTVC2); chỉ đạo thực hiện kế hoạch quản lý cơ sở vật chất phục vụ hoạt động dạy học (QLMTVC3); tổ chức các cuộc thi làm đồ dùng dạy học, thiết kế bài giảng E-learning nhằm phát huy trí tuệ tập thể trong hoạt động dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh (QLMTVC4); phát động phong trào tự làm đồ dùng dạy học (QLMTVC5); tăng cường kiểm tra đánh giá môi trường dạy học (QLMTVC6); quản lý hệ thống quan cảnh, hệ thống trường lớp, phòng thí nghiệm, sân bãi, các phương tiện, trang thiết bị đáp ứng công tác dạy học môn tiếng Việt (QLMTVC7); quản lý phương tiện dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh (QLMTVC8).



Hình 5. Thực trạng quản lý môi trường dạy học môn tiếng Việt
Quản lý môi trường tinh thần hỗ trợ hoạt động dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh cụ thể: Quản lý sự phối hợp của các thành viên trong và ngoài nhà trường (QLMTTT1); xây dựng môi trường dạy học thuận tiện, an toàn, thân thiện cho giáo viên (QLMTTT2); xây dựng văn hóa giao tiếp ứng xử, ngôn ngữ trong quá trình dạy học môn tiếng Việt của giáo viên (QLMTTT3); xây dựng môi trường học tập an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường (QLMTTT4); chỉ đạo giáo viên đặt ra các yêu cầu học tập thiết thực, vừa sức, phù hợp với điều kiện sở thích, tính cách bản thân học sinh (QLMTTT5); xây dựng môi trường tôn trọng, đề cao, khích lệ học sinh (QLMTTT6); xây dựng môi trường

tạo điều kiện cho học sinh tự tin thể hiện được thách thức, khẳng định bản thân, được tương tác, trải nghiệm... và được tiếp thu cái mới (kiến thức, cái nhìn, kỹ năng,...) (QLMTTT7).

3.6. Môi quan hệ trong việc quản lý hoạt động dạy của giáo viên, hoạt động học của học sinh và quản lý môi trường dạy học

Sau khi tiến hành phân tích thống kê mô tả, bài viết tiến hành gom các biến số, bao gồm: Nhóm 1: Liên quan đến các yếu tố quản lý hoạt động dạy của giáo viên gồm 26 tiêu chí được mã hóa với tên QLHDDayGV; Nhóm 2: Liên quan đến các yếu tố quản lý hoạt động học của học sinh gồm 16 tiêu chí được mã hóa với tên QLHDhocHS; Nhóm 3: Liên quan đến quản lý môi trường dạy học gồm 15 tiêu chí được mã hóa với tên QLMTDayhoc.

Bảng 2. Môi quan hệ trong việc quản lý hoạt động dạy của giáo viên, hoạt động học của học sinh và quản lý môi trường dạy học

Nội dung	QLHDhocHS	QLMTDayhoc	QLHDDayGV
QLHDhocHS	1	0.715**	0.434**
QLMTDayhoc	0.715**	1	0.400**
QLHDDayGV	0.434**	0.400**	1

Ghi chú: **. *Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed)*

Bảng 2 cho thấy sự tương quan giữa 3 nhóm yếu tố: quản lý hoạt động dạy của giáo viên, hoạt động học của học sinh và quản lý

môi trường dạy học cụ thể là: Quản lý việc dạy của giáo viên (QLHDDayGV) sẽ ảnh hưởng đến việc quản lý học của học sinh (QLHDhocHS) là 0.434 tức 43.4% và ảnh hưởng đến môi trường dạy học (QLHDDayGV) là 0.400 tức là 40.0% với mức ý nghĩa 0.01 tức độ tin cậy 99%; quản lý việc học của học sinh (QLHDhocHS) sẽ ảnh hưởng đến việc quản lý học của học sinh (QLHDDayGV) là 0.434 tức 43.4% và ảnh hưởng đến môi trường dạy học (QLMTDayhoc) là 0.715 tức là 71.5% với mức ý nghĩa 0.01 tức độ tin cậy 99%; quản lý môi trường dạy học (QLMTDayhoc) sẽ ảnh hưởng đến việc quản lý học của học sinh (QLHDhocHS) là 0.715 tức 71.5% và ảnh hưởng đến quản lý hoạt động dạy của giáo viên (QLHDDayGV) là 0.400 tức là 40.0% với mức ý nghĩa 0.01 tức độ tin cậy 99%.

4. KẾT LUẬN

Nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên về sự cần thiết của hoạt động dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh và tầm quan trọng của việc quản lý công tác này chưa thực sự cao. Về thực trạng quản lý việc dạy của giáo viên, về công tác quản lý của hiệu trưởng, về bồi dưỡng việc dạy học môn tiếng Việt, về quản lý hoạt động học của học sinh và về quản lý môi trường dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Thị Oanh (2017), *Phát triển năng lực học sinh trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông*, Tạp chí Giáo dục, số 420.
- [2] Đặng Thành Hưng (2012), *Năng lực và giáo dục theo tiếp cận năng lực*, Tạp chí Giáo dục, số 43.
- [3] Ngô Quỳnh Nga (2017), *Xây dựng hệ thống bài tập dạy học hội thoại trong môn tiếng Việt nhằm phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh tiểu học*, Tạp chí Giáo dục, số 418.

Ngày nhận bài: 10-9-2020. Ngày biên tập xong: 11-9-2020. Duyệt đăng: 24-9-2020